

**BẢN SAO
COPY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG
NGHỆ CAO SIBA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-50
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2022</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2022</i>	<i>14-50</i>

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313140100 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2015. Trong quá trình hoạt động, công ty đã 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về tên công ty, địa chỉ, chủ sở hữu và vốn điều lệ. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 số 0313140100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 01 năm 2023 về tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 10: 250.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2022: 250.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : 028.3811.0480
Mã số thuế : 0 3 1 3 1 4 0 1 0 . 0

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Thương mại nông sản;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 50).

Sự kiện quan trọng phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng

Theo Công Văn số 8582/UBCK-GSĐC ngày 27/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba bắt đầu thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng từ ngày 27/12/2022.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Phú	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	
Bà Phan Hồng Vân	Thành viên	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Trần Ngọc Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc	
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2022
Ông Vũ Nam Anh	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022 Miễn nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Lệ Thương	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022
Ông Đào Đức Tuấn	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 01 năm 2022

Kiểm toán Viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 20 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đức

Số : 1210.02.01/2022/BCTC - NVT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính năm 2022Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2023 từ trang 07 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2023-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNKT số: 4497-2023-124-1



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Kiều Oanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.837.779.856.616	1.393.736.105.524
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	73.776.103.746	61.853.902.172
1. Tiền	111		73.776.103.746	61.853.902.172
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.302.982.283.182	1.125.038.890.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.250.932.396.037	1.093.272.133.799
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	27.410.238.191	4.710.189.847
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	24.639.648.954	27.056.566.416
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		423.894.678.442	184.587.261.474
1. Hàng tồn kho	141	V.5	423.894.678.442	184.587.261.474
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.126.791.246	22.256.051.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1.276.896.867	1.164.043.868
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.849.894.379	21.092.007.948
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		338.151.049.143	240.404.349.697
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		107.156.000	3.301.456.466
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	107.156.000	3.301.456.466
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		180.817.586.144	2.493.420.891
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	179.805.660.959	2.493.420.891
<i>Nguyên giá</i>	222		188.358.885.440	3.370.347.728
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.553.224.481)	(876.926.837)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	1.011.925.185	-
<i>Nguyên giá</i>	225		1.011.925.185	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.213.993.444	192.147.011.538
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	63.213.993.444	192.147.011.538
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	88.000.000.000	40.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		88.000.000.000	40.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.012.313.555	2.462.460.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	6.012.313.555	2.462.460.802
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.175.930.905.759	1.634.140.455.221

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.787.290.227.958	1.431.733.019.735
I. Nợ ngắn hạn	310		1.650.756.138.615	1.354.020.242.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.462.900.800.130	1.252.908.093.563
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	79.083.081.318	77.971.710.385
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.659.444.004	5.645.172.609
4. Phải trả người lao động	314		3.916.767.927	1.587.785.782
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	9.945.792.541	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	686.863.239	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	92.563.389.456	15.907.480.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		136.534.089.343	77.712.777.396
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	136.534.089.343	77.712.777.396
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		388.640.677.801	202.407.435.486
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	388.640.677.801	202.407.435.486
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		250.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.824.500.000	30.000.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.816.177.801	22.407.435.486
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		22.407.435.486	3.862.665.867
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.408.742.315	18.544.769.619
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.175.930.905.759	1.634.140.455.221

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.009.510.319.203	5.878.099.081.223
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.009.510.319.203	5.878.099.081.223
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.929.226.045.139	5.843.428.694.474
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.284.274.064	34.670.386.749
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.429.262.449	5.007.194.514
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.698.610.452	1.769.339.417
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.257.743.854	272.675.446
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.268.816.085	2.103.258.383
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.383.905.142	13.324.814.146
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38.362.204.834	22.480.169.317
11. Thu nhập khác	31	VI.7	186.967.905	707.356.950
12. Chi phí khác	32	VI.8	423.586.559	2.920.793
13. Lợi nhuận khác	40		(236.618.654)	704.436.157
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.125.586.180	23.184.605.474
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.716.843.865	4.639.835.855
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>36.408.742.315</u>	<u>18.544.769.619</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38.125.586.180	23.184.605.474
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		7.676.297.644	428.440.548
- Các khoản dự phòng	03		-	(7.947.555)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(2.718.251.540)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(485.565.430)	(2.234.331.126)
- Chi phí lãi vay	06		16.257.743.854	272.675.446
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		61.574.062.248	18.925.191.247
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(189.886.203.501)	852.557.822.743
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(239.307.416.968)	(11.516.455.652)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		271.636.920.596	(790.121.329.404)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.662.705.752)	(866.076.414)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.115.017.659)	(272.675.446)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.714.925.370)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(118.475.286.406)	68.706.477.074
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(81.384.208.562)	(143.914.823.763)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(59.296.279.483)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	33.925.624.523
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(48.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		864.789.846	2.064.724.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(128.519.418.716)	(167.220.753.794)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		149.824.500.000	90.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		152.096.199.943	72.968.404.740
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(43.003.793.247)	(6.091.971.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		258.916.906.696	156.876.433.740
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.922.201.574	58.362.157.020
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	61.853.902.172	3.511.430.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(19.685.552)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	73.776.103.746	61.853.902.172

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kế toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn

Lập, ngày 20 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm bao gồm:
 - Thương mại nông sản;
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**: Số liệu BCTC năm 2022 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2021.
- Nhân viên**:
Tại ngày kết thúc năm tài chính Doanh nghiệp có 188 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 115 nhân viên).
- Cấu trúc doanh nghiệp**:
Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Lô E9, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	Đường ven Sông Hậu, Ấp An Ninh, Xã Định An, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam	Sản xuất điện	100%	100%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	Số 2, đường 8A, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xây dựng, thương mại, dịch vụ, sản xuất	80%	80%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Doanh nghiệp. Việc kiểm soát đạt được khi Doanh nghiệp có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Doanh nghiệp so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Doanh nghiệp và người mua là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định hữu hình</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
Máy móc thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định thuê tài chính</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Doanh nghiệp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Doanh nghiệp bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất khu Công nghiệp

Tiền thuê đất khu Công nghiệp phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian 50 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

(*)Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

20. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.021.777.433	3.703.095.935
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71.754.326.313	58.150.806.237
Cộng	<u>73.776.103.746</u>	<u>61.853.902.172</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>13.599.356.825</i>	<i>5.306.071.130</i>
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	9.475.479.286	-
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	265.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	3.858.877.539	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	-	5.306.071.130
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.237.333.039.212</i>	<i>1.087.966.062.669</i>
Công ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Tân Thành Nam	185.972.386.450	410.059.177.950
Công ty Cổ phần Đầu Tư Sản Xuất Và Kinh Doanh Thực Phẩm Hà Nội	308.366.546.580	143.683.241.980
Công ty Cổ phần XNK Cao Thăng	162.231.116.204	-
Công ty Cổ phần Sản Xuất, Thương Mại Và Dịch Vụ Tân Mai	313.160.032.033	301.260.780.783
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Thành Đô (*)	162.515.899.318	162.515.899.318
Công ty Cổ phần Thương Mại Và Phát Triển Đầu Tư Bách Thuận	6.633.207.380	33.247.139.380
Công ty TNHH XNK Nông Lâm Sản Thái Nguyên	-	26.291.057.120
Các khách hàng khác	98.453.851.247	10.908.766.138
Cộng	<u>1.250.932.396.037</u>	<u>1.093.272.133.799</u>

(*) Khoản công nợ phải thu Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Thành Đô đã được thu hồi tại thời điểm ngày 28/2/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	376.650	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	376.650	-
Trả trước cho người bán khác	27.409.861.541	4.710.189.847
Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	691.000.000
Công ty Cổ Phần Công Nghiệp AMECO	-	2.444.579.112
Công ty TNHH Khai thác Nước Ngầm Tây Ninh	3.801.600.000	-
Savagnini Italia S.P.A	2.448.868.500	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung	6.944.815.000	-
Công ty TNHH Tư Vấn XD TM Tín Việt	2.123.182.924	-
Công ty TNHH Antaco Bình Dương	2.441.275.200	-
Các nhà cung cấp khác	9.650.119.917	1.574.610.735
Cộng	27.410.238.191	4.710.189.847

4. Các khoản phải thu khác**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	17.407.770	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	17.407.770	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	24.622.241.184	-	27.056.566.416	-
Ký cược, ký quỹ (*)	24.298.658.443	-	26.413.248.150	-
Tạm ứng	233.736.403	-	206.642.966	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	63.499.852	-	-	-
Lãi tiền gửi ký quỹ	1.410.411	-	380.634.827	-
Phải thu khác	24.936.075	-	56.040.473	-
Cộng	24.639.648.954	-	27.056.566.416	-

(*) Là khoản cầm cố, ký quỹ theo các nội dung sau:

+ Ký quỹ tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố số QTN2022TSDB779146/HĐCC ngày 09 tháng 12 năm 2022 để thực hiện sản xuất kinh doanh số hợp đồng TBN2022530494/HĐCTD ngày 15 tháng 06 năm 2022, số tiền 1.848.000.000 VNĐ.

+ Ký quỹ tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng cầm cố số QTN2022TSDB804959/HĐCC ngày 27 tháng 12 năm 2022 để thực hiện sản xuất kinh doanh số hợp đồng TBN2022530494/HĐCTD ngày 15 tháng 06 năm 2022, số tiền 1.796.000.000 VNĐ.

+ Ký quỹ các tài khoản tiền gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng theo hợp đồng cầm cố số 0065/NHNT-KD/22 ngày 14 tháng 06 năm 2022, Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08/SĐBS – 0065/NHNT-KD/22 ngày 15 tháng 08 năm 2022 số tiền 15.025.000.000 VNĐ để cầm cố đảm bảo thực hiện khoản vay tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng số hợp đồng 0012/KHDN/22 ngày 13 tháng 06 năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	107.156.000	-	3.301.456.466	-
Cầm cổ, ký quỹ	107.156.000	-	3.301.456.466	-
Cộng	107.156.000	-	3.301.456.466	-

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	81.688.449.408	-	31.028.690.319	-
Công cụ, dụng cụ	5.522.693.214	-	1.300.654.724	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	98.861.132.602	-	26.117.958.988	-
Thành phẩm	121.368.796	-	292.902.664	-
Hàng hóa	237.701.034.422	-	125.847.054.779	-
Cộng	423.894.678.442	-	184.587.261.474	-

6. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	838.126.683	469.018.930
Chi phí bảo hiểm	123.817.247	308.075.624
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	242.933.258	137.460.014
Chi phí phần mềm, thuê máy chủ	36.473.331	100.262.087
Chi phí khác	35.546.348	149.227.213
Cộng	1.276.896.867	1.164.043.868

b) Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	2.220.196.163	2.268.902.482
Công cụ dụng cụ	293.671.863	61.846.468
Chi phí thi công văn phòng	36.678.425	70.535.413
Chi phí trả trước dài hạn Nhà máy Bạc Liêu	3.412.196.100	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	49.571.004	61.176.439
Cộng	6.012.313.555	2.462.460.802

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	807.635.000	2.434.346.364	128.366.364	3.370.347.728
Mua sắm mới	-	94.270.000	-	-	94.270.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	55.716.664.542	126.085.472.443	3.092.130.727	-	184.894.267.712
Số cuối năm	55.716.664.542	126.987.377.443	5.526.477.091	128.366.364	188.358.885.440
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	294.249.328	512.611.262	70.066.247	876.926.837
Khấu hao trong năm	1.471.100.239	5.665.906.968	510.435.347	28.855.090	7.676.297.644
Số cuối năm	1.471.100.239	5.960.156.296	1.023.046.609	98.921.337	8.553.224.481
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	513.385.672	1.921.735.102	58.300.117	2.493.420.891
Số cuối năm	54.245.564.303	121.027.221.147	4.503.430.482	29.445.027	179.805.660.959

Tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 184.833.728.912 VNĐ và giá trị còn lại 177.610.696.073 VNĐ được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Hàn Thuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Công Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	-	-
Thuê tài chính trong năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
Số cuối năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	432.000.000	579.925.185	1.011.925.185

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào Chi phí trả trước	Phân loại lại	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	192.147.011.538	60.440.629.790	(184.894.267.712)	(4.479.380.172)	-	63.213.993.444
Công trình "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" (1)	192.147.011.538	1.181.889.026	(184.894.267.712)	(4.479.380.172)	(1.449.652.680)	2.505.600.000
Hệ thống phần mềm quản lý SAP	-	6.842.566.400	-	-	1.449.652.680	8.292.219.080
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" (2)	-	38.527.285.476	-	-	-	38.527.285.476
Công trình: "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" (3)	-	13.888.888.888	-	-	-	13.888.888.888
Cộng	192.147.011.538	60.440.629.790	(184.894.267.712)	(4.479.380.172)	-	63.213.993.444

(1) Là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án: "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, công trình hiện đã đi vào hoạt động. Giá trị còn lại 2.505.600.000 VNĐ là giá trị của 02 Máy móc, thiết bị đang lắp đặt tại nhà máy chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng.

(2) Là chi phí xây dựng dự án " Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Bà Rịa Vũng Tàu" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8353128311 ngày 01/03/2022 của Ban quản lý các khu công nghệ Bà Rịa-Vũng Tàu. Hiện dự án đang trong giai đoạn xây dựng.

(3) Là chi phí xây dựng dự án "Nhà máy Cơ khí Công nghệ cao SIBA Nghệ An" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3808008450 ngày 04/01/2023 của Ban quản lý Khu kinh tế Đông Nam tỉnh Nghệ An. Dự án hiện đang ở bước thực hiện các thủ tục đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc
Đầu tư vào công ty con	88.000.000.000	-	88.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu (1)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp (2)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons (3)	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
Cộng	88.000.000.000	-	88.000.000.000	40.000.000.000

(1) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1900665908 ngày 24 tháng 08 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đang đương số tiền 20.000.000.000 VNĐ. Công ty hiện hoạt động bình thường trong lĩnh vực năng lượng mặt trời.

(2) Khoản góp vốn vào Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1402149837 ngày 22 tháng 09 năm 2020, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba là chủ sở hữu 100% vốn điều lệ, đang đương số tiền 20.000.000.000 VNĐ. Công ty hiện hoạt động trong lĩnh vực năng lượng mặt trời, đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa có doanh thu.

(3) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0317186593 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 3 năm 2022, theo đó Công ty Cổ phần Tập đoàn cơ khí công nghệ cao Siba góp 80% vốn điều lệ tương đương số tiền 48.000.000.000. Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (tu vấn giám sát), thương mại, sản xuất, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>105.389.102</i>	<i>60.585.017.800</i>
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	-	60.585.017.800
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	105.389.102	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>1.462.795.411.028</i>	<i>1.192.323.075.763</i>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng và Thương Mại Tín Phát	-	62.327.303.184
Công ty Cổ Phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	-	-
Công ty Cổ Phần Nông Sản Sông Lam	222.798.634.020	438.527.098.020
Công ty TNHH Phát Triển Dịch Vụ Thương Mại Bình Tân	-	225.013.701.960
Công ty Cổ Phần Nông Nghiệp Kiến Nông	683.537.011.450	200.887.784.700
Công ty Cổ Phần Nông Sản BIVC Quốc Tế	154.563.784.100	161.331.939.200
Công ty Cổ phần Nông Sản MOGB Quốc Tế	279.336.773.000	-
Công ty Lam Kinh	34.901.889.925	-
Savagnini Italia S.P.A	-	24.316.763.759
Các nhà cung cấp khác	87.657.318.533	79.918.484.940
Cộng	<u>1.462.900.800.130</u>	<u>1.252.908.093.563</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>72.684.502.270</i>	<i>52.966.420.154</i>
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	-	15.977.002.800
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	-	10.651.335.200
Công ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	654.500.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại Xanh 1	-	7.345.459.974
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	18.500.000.000	18.500.000.000
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	204.270.000	204.270.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	28.918.163.469	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	9.794.076.975	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	14.204.951.826	-
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	408.540.000	19.089.880
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	-	269.262.300
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>6.398.579.048</i>	<i>25.005.290.231</i>
Công ty Cổ phần CBOT Việt Nam	5.500.000.000	-
Công ty Cổ phần XNK Cao Thắng	-	18.533.376.871
Công ty Cổ Phần Nông Sản Vinacam	-	6.386.616.280
Các khách hàng khác	898.579.048	85.297.080
Cộng	<u>79.083.081.318</u>	<u>77.971.710.385</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.876.361.861	(2.876.361.861)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu			46.190.926	(46.190.926)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.632.878.863	-	1.716.843.865	(5.714.925.370)	1.634.797.358	-
Thuế thu nhập cá nhân	12.293.746	-	279.096.234	(266.743.334)	24.646.646	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	95.468.625	(95.468.625)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.008.390	(4.008.390)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	238.229.387	(238.229.387)	-	-
Cộng	5.645.172.609	-	5.256.199.288	(9.241.927.893)	1.659.444.004	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình như sau:

Nông sản, khung chuồng heo

Không chịu thuế

Các dịch vụ, hàng hóa khác

8%; 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Dự án đầu tư Nhà máy Cơ khí công nghiệp hỗ trợ Công nghệ cao VMECO của Công ty được áp dụng thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm (từ năm 2022 đến năm 2031), miễn thuế 02 năm (từ năm 2022 đến năm 2023) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo áp dụng cho Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.611.166.667</i>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS – tiền lãi vay phải trả	1.611.166.667	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.334.625.874</i>	-
Phải trả lãi vay	1.531.559.528	-
Chi phí phải trả các công trình	6.803.066.346	-
<i>Công ty SX TM XD Phúc Huệ</i>	<i>5.896.264.230</i>	-
<i>CNVT-Công ty Thép Nhân Luật MN</i>	<i>591.274.792</i>	-
<i>Công ty Minh Hòa Thành</i>	<i>148.726.760</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>166.800.564</i>	-
Cộng	<u>9.945.792.541</u>	<u>-</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>686.863.239</i>	-
Bảo hiểm xã hội	562.061.514	-
Bảo hiểm y tế	82.027.890	-
Bảo hiểm thất nghiệp	42.773.835	-
Cộng	<u>686.863.239</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Vay và nợ thuê tài chính****a) Ngân hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	26.628.338.000	26.628.338.000	-	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Đồng Tháp (1)	15.977.002.800	15.977.002.800	-	-
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu (2)	10.651.335.200	10.651.335.200	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	65.935.051.456	65.935.051.456	15.907.480.000	15.907.480.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	45.679.747.456	45.679.747.456	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (3)	45.679.747.456	45.679.747.456	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	20.255.304.000	20.255.304.000	15.907.480.000	15.907.480.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	20.255.304.000	20.255.304.000	15.907.480.000	15.907.480.000
Cộng	92.563.389.456	92.563.389.456	15.907.480.000	15.907.480.000

(1) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Đồng Tháp theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCDT-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 15.977.002.800 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được căn trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng 27/12/2021/HĐ-SIBA-NLSVDT ngày 27/12/2021.

(2) Khoản vay Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu theo Hợp đồng 31.12.2022/HĐV-VMCBL-SB ngày 31/12/2022. Số tiền vay 10.651.335.200 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 12 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay. Số tiền nợ gốc sau khi kết thúc thời hạn vay sẽ được căn trừ với công nợ phát sinh của Hợp đồng 26/12/2021/HĐ-SIBA-NLSVDT ngày 26/12/2021.

(3) Khoản vay ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0012/KHDN/22 ngày 13 tháng 6 năm 2022. Mục đích sử dụng vốn để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Hạn mức cho vay 50.000.000.000 VNĐ, khoản vay được đảm bảo bằng Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi với tỷ lệ (Giá trị tài sản đảm bảo sau quy đổi/Dư nợ cấp tín dụng) đạt tối thiểu 30% tại mọi thời điểm. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được ghi trên từng Giấy nhận nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chuyển từ công nợ phải trả về ứng trước sang vay	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	110.000.000	-	26.628.338.000	(110.000.000)	26.628.338.000
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Đông Tháp	-	-	-	15.977.002.800	-	15.977.002.800
Công ty TNHH MTV Năng lượng sạch Vmeco Bạc Liêu	-	-	-	10.651.335.200	-	10.651.335.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS	-	110.000.000	-	-	(110.000.000)	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	69.638.522.703	-	-	(23.958.775.247)	45.679.747.456
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	-	69.638.522.703	-	-	(23.958.775.247)	45.679.747.456
Vay dài hạn đến hạn trả	15.907.480.000	-	20.255.304.000	-	(15.907.480.000)	20.255.304.000
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên	15.907.480.000	-	20.255.304.000	-	(15.907.480.000)	20.255.304.000
Cộng	15.907.480.000	69.748.522.703	20.255.304.000	26.628.338.000	(39.976.255.247)	92.563.389.456

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS (*)</i>	59.546.476.707	59.546.476.707	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	76.987.612.636	76.987.612.636	77.712.777.396	77.712.777.396
Vay dài hạn ngân hàng	76.130.364.636	76.130.364.636	77.712.777.396	77.712.777.396
<i>Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên (**)</i>	857.248.000	857.248.000	-	-
Nợ thuê tài chính	857.248.000	857.248.000	-	-
Cộng	136.534.089.343	136.534.089.343	77.712.777.396	77.712.777.396

(*) Là khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS theo các Hợp đồng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 090622/HĐV-SB-SBC ngày 09/6/2022. Số tiền vay 43.000.000.000 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 270622/HĐV-SB-SBC ngày 27/6/2022. Số tiền vay 4.900.000.000 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

+ Hợp đồng cho vay số 291222/HĐV-SB-SBC ngày 29/12/2022. Số tiền vay 12.000.000.000 VNĐ, lãi suất vay 6%/năm tính từ ngày hợp đồng vay có hiệu lực. Thời hạn vay 24 tháng, tiền lãi được trả vào ngày kết thúc thời hạn vay.

(**) Là khoản vay theo hợp đồng số 0006/2020/HĐTĐH-PN/SHB.111500 ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hàn Thuyên. Số tiền cho vay: 147.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bảy tỷ đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Cho vay, mở L/C nhập khẩu Máy móc thiết bị (MMTB), bảo lãnh phục vụ đầu tư dự án: "Nhà máy cơ khí công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao" tại Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ Tài sản bảo đảm 1: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là: Toàn bộ các công trình xây dựng là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghệ hỗ trợ công nghệ cao VMECO được xây dựng tại thửa đất số 177; tờ bản đồ số 23 tại Khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Diện tích lô đất sử dụng: 14.100,91 m² (Bằng chữ: Mười bốn nghìn một trăm bảy chín mốt mét vuông) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS 002425; do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 26/06/2019. Giá trị định giá: 60.893.000.000 đồng theo biên bản xác định giá trị bất động sản ngày 12/02/2020.

+ Tài sản bảo đảm 2: Bên thế chấp tự nguyện thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình là toàn bộ hệ thống MMTB dây chuyền sản xuất hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy cơ khí công nghệ hỗ trợ công nghệ cao theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0006/2020/HDTCTL-PN/SHB.111500 ngày 14/02/2020. Giá trị tài sản thế chấp là 161.285.484.582 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Bù trừ công nợ	Số cuối năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	-	59.790.000.000	-	-	(243.523.293)	59.546.476.707
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng SIBACONS		59.790.000.000			(243.523.293)	59.546.476.707
Vay dài hạn ngân hàng	77.712.777.396	21.700.429.240	(3.027.538.000)	(20.255.304.000)	-	76.130.364.636
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Tuyên	77.712.777.396	21.700.429.240	(3.027.538.000)	(20.255.304.000)	-	857.248.000
Nợ thuê tài chính	-	857.248.000	-	-	-	857.248.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease		857.248.000				857.248.000
Cộng	77.712.777.396	82.347.677.240	(3.027.538.000)	(20.255.304.000)	(243.523.293)	136.534.089.343

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	-	3.862.665.867	93.862.665.867
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	60.000.000.000	30.000.000.000	-	90.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	18.544.769.619	18.544.769.619
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	30.000.000.000	22.407.435.486	202.407.435.486
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	30.000.000.000	22.407.435.486	202.407.435.486
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	100.000.000.000	49.824.500.000	-	149.824.500.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	36.408.742.315	36.408.742.315
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	79.824.500.000	58.816.177.801	388.640.677.801

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2022

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Văn Đức	44.250.000.000	17,70%	44.100.000.000	29,40%
Bà Phan Hồng Vân	22.600.000.000	9,04%	22.500.000.000	15,00%
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%	60.000.000.000	40,00%
Bà Dương Thị Mỹ Quý	-	0,00%	23.400.000.000	15,60%
Các đối tượng khác	44.150.000.000	17,66%	-	-
Cộng	250.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

Tại thời điểm phát hành Báo cáo này. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	20/3/2023	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Siba Holdings	139.000.000.000	55,60%
Ông Nguyễn Văn Đức	15.150.000.000	6,06%
Bà Phan Hồng Vân	7.600.000.000	3,04%
Các đối tượng khác	88.250.000.000	35,30%
Cộng	250.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

**18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán
a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	-	145.819

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.607.760.790.610	5.750.060.144.142
Doanh thu cung cấp dịch vụ	401.749.528.593	128.038.937.081
Cộng	4.009.510.319.203	5.878.099.081.223

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	500.000.000	13.823.799.959
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	611.959.773	-
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	724.553.020	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	42.382.028.501	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	30.555.483.387	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	1.952.792.400	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	78.219.924.536	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	30.137.148.561	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	1.542.426.320	-
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	27.495.000	-
Cộng	186.653.811.498	13.823.799.959

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.603.453.590.571	5.742.713.525.715
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	325.772.454.568	100.715.168.759
Cộng	<u>3.929.226.045.139</u>	<u>5.843.428.694.474</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, ký quỹ	485.565.430	2.234.331.126
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.943.697.019	54.611.848
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	2.718.251.540
Cộng	<u>4.429.262.449</u>	<u>5.007.194.514</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.257.743.854	272.675.446
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	440.866.598	1.504.611.526
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(7.947.555)
Cộng	<u>16.698.610.452</u>	<u>1.769.339.417</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.931.953.758	1.220.406.788
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.869.864	19.317.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.046.329.793	84.155.369
Các chi phí khác	1.251.662.670	779.378.476
Cộng	<u>14.268.816.085</u>	<u>2.103.258.383</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.733.016.462	9.088.992.225
Chi phí đồ dùng văn phòng	876.523.931	1.113.787.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	358.018.032	392.835.528
Thuế, phí và lệ phí	831.539.440	494.474.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.242.498.257	1.964.312.030
Các chi phí khác	1.342.309.020	270.412.780
Cộng	<u>15.383.905.142</u>	<u>13.324.814.146</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng tồn kho thừa sau kiểm kê	125.245.343	-
Chiết khấu	-	611.867.683
Xử lý công nợ	40.619.150	262
Thu nhập khác	21.103.412	95.489.005
Cộng	<u>186.967.905</u>	<u>707.356.950</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	167.729.387	1.477.530
Hàng tồn kho thiếu sau kiểm kê	253.774.849	-
Xử lý công nợ	2.075.621	1.372.313
Chi phí khác	6.702	70.950
Cộng	<u>423.586.559</u>	<u>2.920.793</u>

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.125.586.180	23.184.605.474
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	852.337.086	14.573.803
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Thuế bị phạt, bị truy thu</i>	167.729.387	1.477.530
<i>Chi phí không hợp lệ khác</i>	684.607.699	13.096.273
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	38.977.923.266	23.199.179.277
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%</i>	30.803.936.476	-
<i>Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%</i>	8.173.986.790	23.199.179.277
Thu nhập tính thuế	38.977.923.266	23.199.179.277
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 17%	30.803.936.476	-
Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế suất 20%	8.173.986.790	23.199.179.277
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	6.871.466.559	4.639.835.855
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	<u>(5.236.669.201)</u>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>1.634.797.358</u>	<u>4.639.835.855</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	82.046.507	
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>1.716.843.865</u>	<u>4.639.835.855</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	197.776.949.180	43.896.978.542
Chi phí nhân công	43.267.964.375	13.127.083.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.676.297.644	428.440.548
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109.042.040.189	2.881.710.725
Chi phí khác	70.233.564.153	76.704.225.177
Cộng	<u>427.996.815.541</u>	<u>137.038.438.628</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi ký quỹ nhập gốc	-	167.670.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Doanh nghiệp bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Chức danh</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	476.966.404	347.936.753
	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 05 năm 2021	-	96.971.125
Ông Phan Lê Hoàng Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	307.021.860	263.573.294
Bà Lê Thị Xuân Đức	Trưởng Ban Kiểm soát	241.097.363	-
Cộng		<u>1.025.085.627</u>	<u>708.481.172</u>

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba

<u>Đối tượng</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Số tiền góp</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Văn Phú	150.000	2.250.000.000	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Văn Đức	15.000	225.000.000	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Phan Hồng Vân	10.000	150.000.000	Thành viên HĐQT
Ông Phan Lê Hoàng Trung	30.000	450.000.000	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Long	45.000	675.000.000	Thành viên HĐQT
Bà Lê Thị Xuân Đức	10.000	150.000.000	Trưởng BKS từ 06/3/2022
Ông Đào Đức Tuấn	7.500	112.500.000	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Tấn Hưng	20.000	300.000.000	Người có liên quan của Ông Nguyễn Văn Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Giao dịch với bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Doanh nghiệp gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS	Công ty mẹ
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu	Công ty con
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	Ông Trương Sỹ Bá là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Siba Holdings đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Bắc An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn Nuôi Bảo Ngọc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh	Công ty cùng Tập đoàn
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành	Công ty cùng Tập đoàn

Các giao dịch phát sinh giữa Doanh nghiệp với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần SIBA HOLDINGS		
Góp vốn	83.400.000.000	90.000.000.000
Công Ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Bạc Liêu		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	540.000.000	15.206.179.955
Khách hàng trả trước tiền thi công hệ thống điện	-	10.651.335.200
Chuyển từ công nợ phải trả về ứng trước sang công nợ vay	10.651.335.200	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	275.000.000	15.206.179.955
Phải trả tiền điện năng lượng mặt trời	643.454.840	257.690.941
Trả tiền	538.065.738	257.690.941
Công ty TNHH MTV Năng Lượng Sạch VMECO Đồng Tháp		
Chuyển từ công nợ phải trả về ứng trước sang công nợ vay	15.977.002.800	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ		15.977.002.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sibacons		
Góp vốn	48.000.000.000	
Phải thu tiền chi hộ	260.931.063	-
Bù trừ công nợ với phải trả tiền vay	243.523.293	-
Phải trả tiền vay ngắn hạn	110.000.000	
Trả tiền vay ngắn hạn	110.000.000	
Phải trả tiền vay dài hạn	59.790.000.000	
Phải trả tiền lãi vay	1.611.166.667	
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	673.155.750	
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	403.893.450	
Phải trả tiền mua hàng và dịch vụ	535.666.788.750	
Trả tiền mua hàng và dịch vụ	596.252.183.200	
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp BAF Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	797.008.322	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.186.458.442	-
Công Ty TNHH Đầu Tư Trang Trại Xanh 1		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.999.134.093	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.178.194.833	-
Công ty TNHH Đầu tư Trang trại xanh 2		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.174.672.439	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.315.794.900	-
Công Ty TNHH Anh Vũ Phú Yên		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.117.636.596	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.078.207.726	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Công nghệ cao Hải Đăng Tây Ninh		
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.918.163.469	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Đông An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.426.994.553	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.221.071.528	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Nam An Khánh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.288.022.802	-
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.492.974.628	-
Công Ty Cổ Phần Thức Ăn Chăn Nuôi BAF Tây Ninh		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.696.668.952	
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.696.668.952	



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH SX TM DV Chăn Nuôi Minh Thành		
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.244.500	
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	30.244.500	

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh V.2; V.3; V.4; V.10; V.11; V.12; V.14; V.16.

2. Chi phí lãi vay vốn hóa

Trong năm công ty phát sinh các chi phí lãi vay đã vốn hóa như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn hóa chi phí lãi vay cho các khoản vay riêng biệt	-	6.346.892.803
Cộng	-	6.346.892.803

3. Thông tin bộ phận**A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh****Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

- + Lĩnh vực thương mại;
- + Lĩnh vực cơ khí;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 AI Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực cơ khí</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay	3.607.760.790.610	401.749.528.593	4.009.510.319.203
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	3.607.760.790.610	401.749.528.593	4.009.510.319.203
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.603.453.590.571	325.772.454.568	3.929.226.045.139
Chi phí bộ phận	4.307.200.039	75.977.074.025	80.284.274.064
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	-	29.652.721.227
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	50.631.552.837
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	4.429.262.449
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	16.698.610.452
Chi phí tài chính	-	-	186.967.905
Thu nhập khác	-	-	423.586.559
Chi phí khác	-	-	1.716.843.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	36.408.742.315
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác phân bổ cho hoạt động	-	55.961.249.618	55.961.249.618
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác không phân bổ	-	-	669.371.192
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	928.028.657	8.160.626.689	9.088.655.346

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Số cuối năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận

Tài sản phân bổ cho bộ phận

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

Tổng tài sản

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

Số đầu năm

Tài sản trực tiếp của bộ phận

Tài sản phân bổ cho bộ phận

Các tài sản không phân bổ theo bộ phận

Tổng tài sản

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận

Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận

Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận

Tổng nợ phải trả

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực cơ khí	Cộng
	1.469.120.899.521	501.680.387.583	1.970.801.287.104
			205.129.618.655
			2.175.930.905.759
	1.346.236.202.570	202.550.745.224	1.548.786.947.794
			238.503.280.164
			1.787.290.227.958
	1.209.812.416.094	297.112.306.071	1.506.924.722.165
			127.215.733.056
			1.634.140.455.221
	1.186.908.983.095	237.591.078.249	1.424.500.061.344
			7.232.958.391
			1.431.733.019.735

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

B, Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	92.563.389.456	136.534.089.343	-	229.097.478.799
Phải trả người bán	1.462.900.800.130	-	-	1.462.900.800.130
Các khoản phải trả khác	14.549.423.707	-	-	14.549.423.707
Cộng	1.570.013.613.293	136.534.089.343	-	1.706.547.702.636
Số đầu năm				
Vay và nợ	15.907.480.000	63.629.920.000	14.082.857.396	93.620.257.396
Phải trả người bán	1.252.908.093.563	-	-	1.252.908.093.563
Các khoản phải trả khác	1.587.785.782	-	-	1.587.785.782
Cộng	1.270.403.359.345	63.629.920.000	14.082.857.396	1.348.116.136.741

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.776.103.746	61.853.902.172	73.776.103.746	61.853.902.172
Phải thu khách hàng	1.250.932.396.037	1.093.272.133.799	1.250.932.396.037	1.093.272.133.799
Các khoản phải thu khác	24.746.804.954	30.358.022.882	24.746.804.954	30.358.022.882
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	88.000.000.000	40.000.000.000	88.000.000.000	40.000.000.000
Cộng	1.437.455.304.737	1.225.484.058.853	1.437.455.304.737	1.225.484.058.853
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	229.097.478.799	93.620.257.396	229.097.478.799	93.620.257.396
Phải trả người bán	1.462.900.800.130	1.252.908.093.563	1.462.900.800.130	1.252.908.093.563
Các khoản phải trả khác	14.549.423.707	1.587.785.782	14.549.423.707	1.587.785.782
Cộng	1.706.547.702.636	1.348.116.136.741	1.706.547.702.636	1.348.116.136.741

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CƠ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO SIBA

Địa chỉ: 99 A1 Cộng Hòa, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Sự kiện phát sinh trong năm và sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba số 15.04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 04 năm 2022 về việc thông qua Phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng, tăng vốn điều lệ từ 150.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 13 tháng 12 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 03 tháng 01 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 về việc tăng vốn điều lệ lên 250.000.000.000 đồng.

Theo Công Văn số 8582/UBCK-GSĐC ngày 27/12/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty Cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba bắt đầu thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng từ ngày 27/12/2022.

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Lập ngày 20 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Võ Thị Cẩm Tú

Kê toán trưởng

Hà Thị Ngọc Sơn



Nguyễn Văn Đức